

Bản án số: **128/2017/HSST**,
Ngày: 12/12/2017.

Vụ án: Trần Ngọc Q,
phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Hải,

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Nữa,

2. Ông Phạm Văn Phổ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 148/2017/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2017/HSST-QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Trần Ngọc Q, sinh ngày: S, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; dân tộc: Kinh; tôn giáo: /; quốc tịch: Việt Nam, số căn cước công dân: 079066004702, ngày cấp: /, nơi cấp: /; nghề nghiệp: chạy xe honda ôm; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; con ông Trần Văn S (chết), và bà Trần Thị S (chết); bị cáo chưa có vợ (tại phiên tòa bị cáo tự khai có vợ Lương Thị H, không đăng ký kết hôn, có hai con: con lớn 15 tuổi, con nhỏ 12 tuổi); Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Nhân thân: ngày 14/7/1992 bị Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ về hành vi buôn bán hàng cấm.

Bị cáo bị tạm giữ ngày: 27/7/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: 30/7/2017 (có mặt).

* *Người bị hại:* anh Nguyễn Trường D, sinh năm H; địa chỉ: B, huyện L, Tỉnh N; nơi cư trú: L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* ông Trần Văn B, sinh năm X; địa chỉ: K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Ngọc Q bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 1 giờ ngày 27 tháng 7 năm 2017, khi bị cáo điều khiển chiếc xe mô tô biển số 52N4 - 2327 đến trước nhà số 954 Lò Gốm, Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện anh Nguyễn Trường D đang nằm ngủ trước cửa nhà, bên cạnh có túi xách màu đen nên nảy sinh ý định chiếm đoạt.

Bị cáo đi đến dùng tay lấy túi xách rồi lên xe chạy về hướng cầu Hậu Giang, sau đó bị cáo kiểm tra bên trong túi xách chỉ có ba bộ quần áo cũ, không có tài sản có giá trị nên bị cáo quay trở lại chỗ anh D.

Bị cáo tiếp tục dùng tay trái lấy trộm chiếc ví màu đen của anh D (bên trong ví có 2.550.000 đồng, một tờ mệnh giá 10 đô la Mỹ, sáu tờ mệnh giá một đô la Mỹ, bảy tờ mệnh giá hai đô la Mỹ, một tờ mệnh giá 10 Ringgit Malaysia), để trong túi quần phía sau bên phải, rồi tẩu thoát nhưng bị cảnh sát hình sự Công an Quận 6 phát hiện bắt giữ lập biên bản cùng tang vật.

Vật chứng gồm:

- 2.550.000 đồng, một tờ mệnh giá 10 đô la Mỹ, sáu tờ mệnh giá một đô la Mỹ, bảy tờ mệnh giá hai đô la Mỹ, một tờ mệnh giá 10 Ringgit Malaysia, một cái ví đựng tiền của nam không nhãn hiệu, một túi đeo bằng vải không nhãn hiệu, ba bộ quần áo đã qua sử dụng (gồm ba quần sọc lưng và ba áo thun), Cơ quan điều tra đã lập biên bản ngày 31/7/2017 trả lại cho người bị hại anh Nguyễn Trường D.

- Thu giữ của bị cáo: một giỏ xách vải màu xanh đen cũ, bên trong có: bốn dao rọc giấy cũ sét, một dao tự chế bằng kim loại dài 20cm, một ổ khóa cũ có chữ Zyeti không chìa, bốn tua vít cũ, một thước kéo cũ, một lưỡi cưa sắt cũ sét, một cây kéo bằng kim loại cũ dài 22cm và chiếc xe mô tô biển số 52N4 – 2327.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 1390/TCKH ngày 07/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6, kết luận:

- “- một tờ mệnh giá 10 đô la Mỹ, có giá trị là 226.600 đồng,
- sáu tờ mệnh giá một đô la Mỹ, có giá trị là 135.600 đồng,
- bảy tờ mệnh giá hai đô la Mỹ, có giá trị là 317.800 đồng,
- một tờ mệnh giá 10 Ringgit Malaysia, có giá trị là 52.800 đồng,
- Một cái ví đựng tiền của nam không nhãn hiệu, tình trạng còn khoảng 50%, có giá trị là 200.000 đồng,
- Một túi đeo bằng vải không nhãn hiệu, tình trạng còn khoảng 50%, có giá trị là 50.000 đồng,
- Ba bộ quần áo đã qua sử dụng (gồm ba quần sọc lưng và ba áo thun), có giá trị là 150.000 đồng”.

Tổng cộng giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt của anh D là 3.681.850 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 52N4 – 2327, do anh Trần Văn B đứng tên, nhưng đã bán năm 2010. Bị cáo khai mua lại chiếc xe này của một người đàn ông không rõ lai lịch tên S, giá 3.000.000 đồng, không làm giấy tờ. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

Người bị hại anh Nguyễn Trường D đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu.

Tại bản Cáo trạng số 118/CTr-VKS ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, đã truy tố bị cáo Trần Ngọc Q, về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì

bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, được trở về sớm tái hòa nhập cộng đồng, đi làm có thu thập nuôi hai con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, theo quy định khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Trần Ngọc Q mức án tù từ 09 tháng tù đến 01 năm tù; tịch thu chiếc xe chiếc xe mô tô biển số 52N4 – 2327 thu giữ của bị cáo do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự, vì bị cáo không có nơi cư trú ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử xét:

Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản về việc bắt người phạm tội quả tang, lời khai người bị hại, kết quả định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: do cần tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Trường D, bị cáo là người thực hành, là người trực tiếp trộm cắp tài sản của anh D tổng trị giá là 3.681.850 đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo Trần Ngọc Q phạm tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo thực hiện, nhưng do bản chất không chịu lao động lương thiện, mong muốn sống bằng việc chiếm đoạt tài sản của người khác, thể hiện ý thức xem thường pháp luật về hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt có giá trị 3.681.850 đồng, do vậy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp định khung quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: trường hợp phạm tội của bị cáo không thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xét, ý chí phạm tội của bị cáo rất quyết liệt, thể hiện qua hai lần liên tiếp quay lại trộm tài sản của người bị hại, việc chưa chiếm đoạt trót lọt được tài sản của người bị hại là ngoài ý muốn của bị cáo; do vậy cần phải có mức án nghiêm nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, quy định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có nơi cư trú ổn định, có hoàn cảnh khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với một xe mô tô hiệu Ducal, biển số 52N4 – 2327, số máy: 00729943-FMG, số khung: 2000367-NJ100 (thu giữ của bị cáo, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội), Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu không có ai đến nhận thì sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 138, khoản 3 Điều 8, Điều 33, điểm g, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13;

Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc Q** 01 (Một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Luật thi hành án dân sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: một giỏ xách vải màu xanh đen cũ, bên trong có: bốn dao rọc giấy cũ sét, một dao tự chế bằng kim loại dài 20cm, một ổ khóa cũ có chữ Zyeti không

chìa, bốn tua vít cũ, một thước kéo cũ, một lưỡi cưa sắt cũ sét, một cây kéo bằng kim loại cũ dài 22cm.

+ Đối với một xe mô tô hiệu Ducal, kiểu Dream, màu nâu, biển số 52N4 – 2327, số máy: FMG-00729943, số khung: NJ100-2000367 (thu giữ của bị cáo, tình trạng xe cũ, máy móc bên trong không kiểm tra được, không búng, không cạc te), Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu không có ai đến nhận thì sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe mô tô hiệu Ducal, kiểu Dream, màu nâu, biển số 52N4 – 2327, nêu trên, thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

(Vật chứng theo Phiếu nhập kho số 128/PNK ngày 08/8/2017 của Đội CSTHAHS – HTTP – Công an Quận 6).

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Luật thi hành án dân sự; tiểu mục I.1 Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Bị cáo Trần Ngọc Q phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: Bị cáo Trần Ngọc Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Công an Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (để thi hành);
- Trại tạm giam Công an Quận 6;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nam Hải

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quận 6, ngày 12 tháng 12 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Hải;

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Nữa;
2. Ông Phạm Văn Phổ;

Căn cứ vào điều 199 và điều 222 của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003.

Vào 10 giờ 20 phút ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án **Trần Ngọc Quang**.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau :

1. Về tội danh: bị cáo Trần Ngọc Quang phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết : 3/3.

2. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, khoản 3 Điều 8, Điều 33, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13;

Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tiểu mục I.1 Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết : 3/3.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc Quang** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Kết quả biểu quyết : 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

+ Tịch thu tiêu hủy: một giỏ xách vải màu xanh đen cũ, bên trong có: bốn dao rọc giấy cũ sét, một dao tự chế bằng kim loại dài 20cm, một ổ khóa cũ có chữ Zyeti không chìa, bốn tua vít cũ, một thước kéo cũ, một lưỡi cưa sắt cũ sét, một cây kéo bằng kim loại cũ dài 22cm.

+ Đối với một xe mô tô hiệu Ducal, kiểu Dream, màu nâu, biển số 52N4 – 2327, số máy: FMG-00729943, số khung: NJ100-2000367 (thu giữ của bị cáo, tình trạng xe cũ, máy móc bên trong không kiểm tra được, không búng, không cạc te), Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu không có ai đến nhận thì sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe mô tô hiệu Ducal, kiểu Dream, màu nâu, biển số 52N4 – 2327, nêu trên, thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

(Vật chứng theo Phiếu nhập kho số 128/PNK ngày 08/8/2017 của Đội CSTHAHS – HTTP – Công an Quận 6).

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Luật thi hành án dân sự; tiêu mục I.1 Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bị cáo Trần Ngọc Quang phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: Bị cáo Trần Ngọc Quang được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết : 3/3.

Hội đồng xét xử kết thúc nghị án vào lúc 11 giờ ngày 12/12/2017.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN,
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

BÁO CÁO XÉT XỬ ÁN HÌNH SỰ

Kính gửi: Chánh án!

Thẩm phán: Lê Nam Hải

Ngày báo cáo: 05/12/2017

Ngày xét xử: 12/12/2017

Bị cáo **Trần Ngọc Quang**, sinh ngày: 09/10/1966, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: chạy xe honda ôm; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Nhân thân: ngày 14/7/1992 bị Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ về hành vi buôn bán hàng cấm. Bị cáo bị tạm giữ ngày: 27/7/2017. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: 30/7/2017.

Cáo trạng số 118/CTr-VKS ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố bị cáo Trần Ngọc Quang, về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

* *Người bị hại*: anh Nguyễn Trường Duy, sinh năm 1992.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: ông Trần Văn Bảy, sinh năm 1965.

*** Tóm tắt vụ án:**

Khoảng 1 giờ ngày 27 tháng 7 năm 2017, khi bị cáo điều khiển chiếc xe mô tô biển số 52N4 - 2327 đến trước nhà số 954 Lò Gốm, Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện anh Nguyễn Trường Duy say rượu, đang nằm ngủ trước cửa nhà, bên cạnh có túi xách màu đen nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo đi đến dùng tay lấy túi xách rồi lên xe chạy về hướng cầu Hậu Giang, sau đó bị cáo kiểm tra bên trong túi xách chỉ có ba bộ quần áo cũ, không có tài sản có giá trị nên bị cáo quay trở lại chỗ anh Duy.

Bị cáo tiếp tục dùng tay trái lấy trộm chiếc ví màu đen của anh Duy (bên trong ví có 2.550.000 đồng, một tờ mệnh giá 10 đô la Mỹ, sáu tờ mệnh giá một đô la Mỹ, bảy tờ

mệnh giá hai đô la Mỹ, một tờ mệnh giá 10 Ringgit Malaysia), để trong túi quần phía sau bên phải, rồi tẩu thoát nhưng bị Công an Quận 6 phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Kết luận định giá tài sản tổng cộng giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt của anh Duy là 3.681.850 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 52N4 – 2327, do anh Trần Văn Bảy đứng tên, nhưng đã bán năm 2010. Bị cáo khai mua lại chiếc xe này của một người đàn ông không rõ lai lịch tên Sơn, giá 3.000.000 đồng, không làm giấy tờ. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất liều lĩnh, quyết tâm phạm tội đến cùng.

* Mức án đề nghị: 01 năm tù. **Chánh án duyệt 01 năm 06 tháng tù.**

Thẩm phán